

ໃບຂໍ້ມູນຜູ້ສະໝັກງານ
BẢN THÔNG TIN ỨNG VIÊN

ຕຳແໜ່ງທີ່ສະໝັກ (Chức danh dự tuyển) :.....
 ຕຳແໜ່ງອື່ນໆ (Chức danh khác) :.....
 ແຂວງ,ນະຄອນຫລວງທີ່ຕ້ອງຢາກເຮັດວຽກ (Tỉnh, TP muốn làm việc) :.....
 ເງິນເດືອນທີ່ຕ້ອງການ (mức lương đề nghị) :.....
 ວັນທີ່ສາມາດເຮັດວຽກໄດ້ (Ngày có thể tiếp nhận công việc) :...../...../.....

ຂໍ້ມູນສ່ວນຕົວ: THÔNG TIN CÁ NHÂN:

ຊື່ແລະນາມສະກຸນ (Họ và tên):..... ເພດ(Giới tính): ຊາຍ(Nam) ຍິງ(Nữ)
 ວັນເດືອນປີເກີດ (Ngày tháng năm sinh):...../...../..... ທີ່ເກີດ (Nơi sinh):
 ເລກບັດປະຈຳຕົວ (Số CMND):.....ອອກວັນທີ(Ngày cấp).....
 ອອກໃຫ້ທີ່ (Nơi cấp).....ສັນຊາດ(Quốc tịch).....
 ສະຖານະ (Tình trạng hôn nhân) ລວງສູງ(Chiều cao):.....
 ໂສດ(Độc thân) ສ້າງຄອບຄົວ(Có gia đình) ຢ່າຮ້າງ(Ly hôn) ນ້ຳໜັກ(Cân nặng):.....
 ບ່ອນຢູ່ປະຈຳ (Hộ khẩu thường trú).....
 ທີ່ຢູ່ເພື່ອຕິດຕໍ່:.....ໂທລະສັບຂອງພໍ່/ແມ່ (ĐT của bố/mẹ).....
 (Địa chỉ liên lạc).....ໂທລະສັບມືຖື (ĐTDD):.....
 Email hay Facebook:.....

ໄລຍະການຮຳຮຽນ&ບັນດາໄລຍະຝຶກອົບຮົມ(ເລີ່ມແຕ່ມັດທະຍົມ)(QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & CÁC KHÓA ĐÀO TẠO (Từ PTTH))

ໄລຍະເລີ່ມຕົ້ນ Thời gian bắt đầu	ໄລຍະສິ້ນສຸດ Thời gian kết thúc	ໂຮງຮຽນ/ບ່ອນ ຝຶກອົບຮົມ Trường/Đơn vị đào tạo	ຂະແໜງ Chuyên ngành	ລະບົບການ ຝຶກອົບຮົມ Hệ đào tạo	ປະເພດ ຝຶກອົບຮົມ Loại hình đào tạo	ຈັດປະເພດ Xếp loại

ຄວາມສາມາດ (KỸ NĂNG)

ລະດັບຄວາມຮູ້ພາສາຕ່າງປະເທດ: ພາສາອັງກິດ: _____ ພາສາຈີນ: _____ ພາສາອື່ນ: _____
 Trình độ ngoại ngữ: Anh văn: _____ Hoa văn: _____ Khác: _____
 ລະດັບຄວາມຮູ້ຄອມພິວເຕີ (trình độ vi tính) _____ ຄວາມສາມາດອື່ນ (Kỹ năng khác) _____

ສາຍພົວພັນທາງຄອບຄົວ(QUAN HỆ GIA ĐÌNH)

ລ/ດ(STT)	ຊື່ແລະນາມສະກຸນ (Họ tên)	ການພົວພັນ (Quan hệ)	ປີເກີດ (năm sinh)	ອາຊີບ (Nghề nghiệp)	ທີ່ຢູ່(ແຂວງ,ນະຄອນຫລວງ) (Nơi ở (Tỉnh, TP))

ສົມທຽບ:(ຂໍ້ມູນຂອງ 2 ຄົນບໍ່ແມ່ນຄົນໃນຄອບຄົວທ່ານແຕ່ທ່ານຮູ້ຈັກດີທີ່ສຸດ) (thông tin của 2 người ngoài gia đình bạn nhưng biết rõ về bạn)

ສາຍພົວພັນ (Quan hệ)	ຊື່ແລະນາມສະກຸນ (Họ tên)	ໜ້າທີ່ (Chức vụ)	ບ່ອນເຮັດວຽກ (Nơi làm việc)	ເບີໂທລະສັບ (Số ĐT)

ໄລຍະການເຮັດວຽກ:(ເລີ່ມຈາກວຽກລ່າສຸດ)(QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC (Bắt đầu từ công việc gần đây nhất))

ຊື່ບ່ອນເຮັດວຽກ Tên công ty	ໜ້າທີ່/ຕຳແໜ່ງ Chức danh/vị trí	ໄລຍະເວລາເຮັດວຽກ Thời gian công tác	ຂັ້ນເທິງໂດຍກົງ(Cấp trên trực tiếp)
1		ເດືອນ(Tháng)/..... ຮອດເດືອນ(Đến)...../.....	(ຊື່ນາມສະກຸນແລະຕຳແໜ່ງ) (Họ tên và chức danh): ເບີໂທລະສັບ (Số ĐT):.....
ໜ້າທີ່ຮັບຜິດຊອບ (Nhiệm vụ, trách nhiệm):			ລະດັບເງິນເດືອນ(Mức lương):..... ເຫດຜົນເຊົາເຮັດວຽກ (Lý do nghỉ việc).....
2		ເດືອນ(Tháng)/..... ຮອດເດືອນ(Đến)...../.....	(ຊື່ນາມສະກຸນແລະຕຳແໜ່ງ) (Họ tên và chức danh): ເບີໂທລະສັບ (Số ĐT):.....
ໜ້າທີ່ຮັບຜິດຊອບ (Nhiệm vụ, trách nhiệm):			ລະດັບເງິນເດືອນ(Mức lương):..... ເຫດຜົນເຊົາເຮັດວຽກ (Lý do nghỉ việc).....

*Hãy kể vài điều đặc biệt về bạn và hãy cho chúng tôi biết lý do nào khiến bạn cho rằng mình sẽ phù hợp với vị trí ứng tuyển? *ຈົ່ງບອກຈຸດດີກ່ຽວກັບທ່ານ ແລະ ຈົ່ງບອກເຫດຜົນທີ່ທ່ານຄິດວ່າທ່ານເໝາະສົມກັບ ຕຳແໜ່ງທີ່ທ່ານສະໝັກ?

.....

.....

.....

*Hãy mô tả môi trường làm việc lý tưởng đối với bạn.*ສະພາບແວດລ້ອມການເຮັດວຽກທີ່ທ່ານຄິດເປັນແນວໃດ?

.....

.....

.....

ທ່ານກະລຸນາຕອບບັນດາຄຳຖາມລຸ່ມນີ້: Vui lòng trả lời các câu hỏi sau:

1. ທ່ານຮັບຮູ້ຂໍ້ມູນການຮັບສະໝັກຂອງ Sacombank Lao ຜ່ານຊ່ອງທາງໃດ? (Bạn biết thông tin tuyển dụng của Sacombank Lào qua kênh nào?)

ຜ່ານການແນະນຳຂອງໝູ່ເພື່ອນ (Bạn bè giới thiệu), Facebook page Sacombank Lao, Website: Sacombank Lao

ຜ່ານການແນະນຳຂອງພະນັກງານທີ່ເຮັດວຽກຢູ່ Sacombank Lao, ຈົ່ງບອກຊື່, ນາມສະກຸນ (CBNV làm việc tại Sacombank Lào giới thiệu, Hãy viết Họ và tên) :.....ເບີໂທ (Số ĐT):.....

ອື່ນໆ (Khác): Facebook page (108.jobs, Laos Banker, Lao Youth Radio FM 90.0 Mhz,...)/ໜັງສືພິມ/ວິທະຍຸ/Website ອື່ນໆ. ຈົ່ງຂຽນຊື່ຢ່າງລະອຽດ (Hãy viết tên chi tiết):.....

ວັນທີ (Ngày)...../...../.....

ຜູ້ສະໝັກ (ỨNG VIÊN) (ເຊັນ,ຊື່ແຈ້ງ) (Ký và ghi rõ họ tên)